

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:

Tổng biên tập:
NGUYỄN HAY

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BAN BIÊN TẬP:

- * NGUYỄN HUY BÍCH
- * VÕ THÁI DÂN
- * ĐOÀN THỊ HUỆ DUNG
- * LÊ ĐÌNH ĐÔN
- * DƯƠNG DUY ĐỒNG
- * PHẠM VĂN HIỀN
- * NGUYỄN PHÚ HOÀ
- * HUỲNH THANH HÙNG
- * PHAN TÀI HUÂN
- * NGUYỄN THỊ MAI
- * PHẠM NGỌC NAM
- * NGUYỄN VĂN NGÃI
- * NGUYỄN VĂN TÂN
- * PHẠM VĂN TÍNH
- * NGUYỄN TÁT TOÀN
- * LÊ THỊ DIỆU TRANG
- * NGUYỄN NHƯ TRÍ
- * LÊ QUỐC TUẤN
- * TRƯƠNG VĨNH

Ban thư ký:

Nguyễn Phú Hoà – Trưởng ban
Nguyễn Tri Quang Hưng – Phó ban
Đình Thị Mỹ Loan – Thành viên
Tô Tấn Long – Thành viên
Lê Thị Thanh Tâm – Thành viên

Tòa soạn:

Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh,
Khu phố 6, Phường Linh Trung,
Quận Thủ Đức, Tp. HCM,
ĐT: 08.38963340 - Fax: 08.38960713
Email: tckhnl@hcmuaf.edu.vn

Trang

- 1 Ảnh hưởng của chất điều hòa tăng trưởng thực vật và xử lý nhiệt độ lên sự phát triển chồi *in vitro* của cây khoai tây (*Solanum tuberosum* L.)
Effect of plant growth regulators and heat treatment on in vitro shoot development of solanum tuberosum L.
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Trần Thanh Hương,
Bùi Trang Việt
- 11 Đánh giá đáp ứng năng suất và khả năng hấp thu lân của cây lúa (*oryza sativa* L.) trên đất phèn Đồng bằng Sông Cửu Long
The yield response and phosphorus uptake of rice (Oryza sativa L.) on acid sulphate soils in the Mekong delta
Nguyễn Quốc Khương, Trần Ngọc Hữu,
Trần Văn Hùng, Ngô Ngọc Hưng
- 21 Phân tích hàm lượng dầu và đánh giá sự đa dạng di truyền của các mẫu giống gấc dựa trên hàm lượng dầu trong các thành phần của quả
Oil analysis and evaluation of genetic diversity of gac accessions based on oil content of fruit components
Phạm Đức Toàn, Tạ Thị Hoàn Thiện,
Bùi Minh Trí
- 29 Ảnh hưởng của khoảng cách trồng, biện pháp bấm ngọn tia cành đến sinh trưởng, phát triển của giống hoa cúc pha lê (*Chrysanthemum* sp.)
Response of phale chrysanthemum variety using different spacing, topping and thinning methods
Lê Phú Quỳnh Như, Phạm Thị Minh Tâm
- 38 Sán dây *Spirometra mansoni* ký sinh trên chó ở một số tỉnh miền Đông Nam Bộ
Spirometra mansoni in dogs in some southeast provinces
Lê Hữu Khương, Trương Quang Nghĩa

- 46 Ước lượng thông số di truyền và giá trị giống của tính trạng số sơ sinh sống/ổ và trọng lượng 21 ngày tuổi/ổ ở heo theo phương pháp gibbs sampling và dfreml-blup
Estimation of genetic parameters and breeding values for number born alive and litter weight at 21 days of age of pig by gibbs sampling and dfreml-blup
Cao Phước Uyên Trân, Trịnh Công Thành
- 51 Khảo sát ảnh hưởng của các loại thức ăn khác nhau đến tỉ lệ sống và tăng trưởng của cá bống tượng giai đoạn 3 – 45 ngày tuổi
Investigating the effects of different feed and probiotics on the survival and growth of goby (oxyeleotris marmorata bleeker 1852) 3-45 days old
Nguyễn Phú Hòa, Võ Phương Tùng, Nguyễn Văn Bảo, Nguyễn Văn Tư
- 59 Đánh giá tiềm năng sinh khối và ước tính lượng khí phát thải từ phụ phẩm nông nghiệp ở Tiền Giang
Assessment of biomass potential and estimating gas emissions from the agricultural residues in Tien Giang province
Lê Kiến Thông, Nguyễn Tri Quang Hưng, Nguyễn Minh Kỳ
- 66 Nghiên cứu hiện trạng công tác quản lý môi trường và đề xuất giải pháp thích hợp đối với hoạt động khai thác Titan-zircon vùng mỏ Thiện Ái, tỉnh Bình Thuận
Studying the environmental management status and proposal an appropriate solutions for Titan-zircon exploitation in Thien Ai, Binh Thuan province
Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Tri Quang Hưng, Nguyễn Minh Kỳ
- 76 Tài nguyên đất và khả năng phát triển cây cao su trên địa bàn huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Land resources and the ability to develop rubber trees in Chau Duc district, Ba Ria – Vung Tau province
Nguyễn Thị Hoàng Yến, Nguyễn Du, Trần Văn Tín
- 84 Đa dạng loài cây gỗ trong mối quan hệ với cấu trúc rừng tại khu bảo tồn thiên nhiên Núi Ông, tỉnh Bình Thuận
Trees species diversity in the relationship with the forest structure at Nui Ong natural reserve, Binh Thuan province
Nguyễn Minh Cảnh, Bùi Việt Hải
- 92 Phân lập, tuyển chọn chủng vi khuẩn lactic, ứng dụng trong sản xuất xúc xích lên men tại Việt Nam
Isolation and selection of lactic acid bacteria and application in fermented sausage production in Vietnam
Vũ Thị Lâm An, Trần Minh Khoa
- 99 Xác định các cấu tử và hoạt tính sinh học của tinh dầu hoa huệ Sa Pa (*Polianthes Tuberosa* L.)
Determination constituents and biological activity of the essential oil of Sa Pa Polianthes Tuberosa L.
Nguyễn Văn Lợi
- 104 Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người dân ở vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
Factors affecting people's intention to participate voluntary social security in Lam Dong province
Trần Văn Sơn, Thái Anh Hòa
- 115 Đánh giá tác động của tín dụng chính thức đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trồng lúa đồng bào khmer: trường hợp nghiên cứu tỉnh Sóc Trăng
Evaluating the effects of formal credit to economic efficiency of khmer rice farmers: the case of Soc Trang province
Trịnh Anh Khoa

**ẢNH HƯỞNG CỦA CHẤT ĐIỀU HÒA TĂNG TRƯỞNG
THỰC VẬT VÀ XỬ LÝ NHIỆT ĐỘ LÊN SỰ PHÁT TRIỂN CHỒI
IN VITRO CỦA CÂY KHOAI TÂY (*Solanum tuberosum* L.)**

*EFFECT OF PLANT GROWTH REGULATORS AND HEAT TREATMENT ON IN VITRO
SHOOT DEVELOPMENT OF *Solanum tuberosum* L.*

*Trần Thanh Hương, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Bùi Trang Việt
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh
Email: trthuong@hcmus.edu.vn*

TÓM TẮT

Các khúc cắt thân mang chồi có chiều dài 0,5 cm, khúc cắt mô phân sinh ngọn chồi có bề rộng 200-300 μm và lá của cây khoai tây in vitro được nuôi cấy trên môi trường MS (Murashige và Skoog) có bổ sung 6-benzylaminopurine (BA) riêng lẻ hay phối hợp với acid *a*-naphthalene acetic (NAA) hay acid 2,4-dichlorophenoxyacetic (2,4-D) ở các nồng độ thay đổi. Các mẫu cấy mô phân sinh ngọn chồi được xử lý ở các nhiệt độ 50, 55 hoặc 60°C trong một khoảng thời gian xác định 15, 30, 60, 90 hoặc 120 phút. 92% mẫu cấy mô phân sinh ngọn chồi phát triển khi được xử lý ở nhiệt độ 50°C trong 15 phút. Khả năng sống của mô phân sinh ngọn chồi giảm khi tăng nhiệt độ và thời gian xử lý. Số chồi đạt giá trị cao nhất khi nuôi cấy khúc cắt thân có nguồn gốc từ cây in vitro 4 tuần tuổi tăng trưởng trên môi trường MS có bổ sung BA 5 hay 10 mg/L. Môi trường MS có bổ sung NAA 0,5 mg/L và BA 1 mg/L tốt nhất cho sự tăng sinh chồi từ khúc cắt mô phân sinh ngọn chồi. Khả năng tái sinh cây từ lá được cảm ứng bởi sự phối hợp bổ sung BA 0,5 mg/L và 2,4-D (1-3 mg/L).

Từ khóa: chất điều hòa tăng trưởng thực vật, xử lý nhiệt độ, mô phân sinh ngọn chồi, *Solanum tuberosum* L.

**ĐÁNH GIÁ ĐÁP ỨNG NĂNG SUẤT VÀ KHẢ NĂNG HẤP THU
LÂN CỦA CÂY LÚA (*Oryza sativa* L.) TRÊN ĐẤT PHÈN
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

*THE YIELD RESPONSE AND PHOSPHORUS UPTAKE OF RICE (*Oryza sativa* L.)
ON ACID SULPHATE SOILS IN THE MEKONG DELTA*

*Nguyễn Quốc Khương, Trần Ngọc Hữu, Trần Văn Hùng, Ngô Ngọc Hưng
Trường Đại học Cần Thơ, Tp. Cần Thơ
Email: nqkhuong@ctu.edu.vn*

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá sự đáp ứng năng suất và khả năng hấp thu lân giữa các mức bón lân và bón lân phối trộn “dicarboxylic acid polymer” trên đất phèn trồng lúa vào vụ Đông Xuân ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Thí nghiệm đồng ruộng được thực hiện trên ba hộ nông dân khác nhau của bốn vùng đất phèn Tứ giác Long Xuyên, Trũng sông Hậu, Bán đảo Cà Mau và Đồng Tháp Mười. Các nghiệm thức thí nghiệm cho từng hộ là (i) không bón lân; (ii) bón 60 kg $\text{P}_2\text{O}_5 \text{ ha}^{-1}$; (iii) bón 30 $\text{P}_2\text{O}_5 \text{ ha}^{-1}$ và (iv) bón 30 kg $\text{P}_2\text{O}_5 \text{ ha}^{-1}$ được trộn với DCAP (2%). Kết quả thí nghiệm cho thấy không bón lân chưa đưa đến sự giảm năng suất lúa so với có bón lân trên bốn vùng phèn, nhưng sự giảm số hạt bông⁻¹ trên 3 vùng đất phèn Tứ giác Long Xuyên, Trũng sông Hậu và Đồng Tháp Mười đã biểu hiện bước đầu của tình trạng thiếu cung cấp lân của đất. Bón lân phối trộn “dicarboxylic acid polymer” chưa cải thiện sinh trưởng, thành phần năng suất, năng suất và hấp thu lân của cây lúa so với bón lân không được trộn DCAP trên đất phèn ĐBSCL. Đất phèn có khả năng cung cấp đủ lân cho cây lúa ở vụ Đông

Xuân trên đất phèn Tứ giác Long Xuyên, Trũng sông Hậu, Bán đảo Cà Mau và Đồng Tháp Mười.

Từ khóa: đất phèn, phân lân, dicarboxylic acid polymer, năng suất lúa, ĐBSCL

**PHÂN TÍCH HÀM LƯỢNG DẦU VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ ĐA DẠNG
DI TRUYỀN CỦA CÁC MẪU GIỐNG GẮC DỪA TRÊN
HÀM LƯỢNG DẦU TRONG CÁC THÀNH PHẦN CỦA QUẢ**
*OIL ANALYSIS AND EVALUATION OF GENETIC DIVERSITY OF GAC ACCESSIONS
BASED ON OIL CONTENT OF FRUIT COMPONENTS*

Phạm Đức Toàn, Tạ Thị Hoàn Thiện, Bùi Minh Trí

Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh

Email: phamductoan@hcmuaf.edu.vn

TÓM TẮT

Gấc có tên khoa học là *Momordica cochinchinensis* (Lour.) Spreng., ($2n = 28$), thuộc họ Bầu bí (*Cucurbitaceae*), có nguồn gốc ở các nước Đông Nam Á và Ấn Độ. Gấc được dùng như thực phẩm và dược liệu ở Việt Nam cũng như các nước Đông Nam Á. Trong dầu Gấc có chứa nhiều các chất như β -carotene, tiền vitamin A, lycopene và các acid béo không bão hòa. Mục đích của nghiên cứu này là phân tích hàm lượng dầu và đánh giá đa dạng di truyền của các mẫu giống gấc dựa vào hàm lượng dầu có trong các thành phần của quả. Kết quả phân tích cho thấy trong tất cả các thành phần của quả gấc đều chứa dầu, trong đó hàm lượng dầu trong hạt là cao nhất (36,02%), cơm gấc chứa 23,14%, màng gấc chứa 16,49%, và thành phần chứa dầu thấp nhất là vỏ gấc (5,21%), tính trên trọng lượng khô. Cây phân nhóm di truyền chia 16 mẫu giống gấc thành 5 nhóm chính với mức đa dạng trung bình là 22,48. Nhóm II và nhóm V bao gồm các mẫu giống có hàm lượng dầu cao. Đây là những thông tin hữu ích về các mẫu giống gấc có tiềm năng trong canh tác và sản xuất gấc theo hướng khai thác dầu cung cấp nguyên liệu cho ngành dược liệu.

Từ khóa: cây gấc, dầu gấc, *Momordica cochinchinensis*, hàm lượng dầu, Lycopene

**ẢNH HƯỞNG CỦA KHOẢNG CÁCH TRỒNG, BIỆN PHÁP
BẮM NGỌN TỈA CÀNH ĐẾN SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN
CỦA GIỐNG HOA CÚC PHA LÊ (*Chrysanthemum* sp.)**

*RESPONSE OF PHALE CHRYSANTHEMUM VARIETY USING DIFFERENT SPACING,
TOPPING AND THINNING METHODS*

Lê Phú Quỳnh Như^(*), Phạm Thị Minh Tâm^(**)

^(*)Phân hiệu Gia Lai; ^(**)Khoa Nông học

Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh

Email: lpqnhu@hcmuaf.edu.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành vào tháng 01 đến tháng 05 năm 2013. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định khoảng cách trồng, biện pháp bấm ngọn tỉa cành phù hợp với cây hoa cúc Pha lê trồng ở Thừa Thiên Huế. Thí nghiệm 2 yếu tố được bố trí theo kiểu lô sọc (Strip-plot design), 3 lần lặp lại. Những nghiệm thức yếu tố sọc ngang gồm có 5 biện pháp bấm ngọn tỉa cành (A1: Không bấm ngọn, không tỉa cành; A2: Không bấm ngọn, tỉa 1/3 số lượng cành cấp 1; A3: Bấm ngọn, không tỉa cành; A4: Bấm ngọn, để 3 cành cấp 1; A5: Bấm ngọn, để 5 cành cấp 1). Những

nghiệm thức yếu tố sọc dọc gồm có 4 khoảng cách trồng (B1: 10x10 cm, B2: 15x15 cm, B3: 18x18 cm, B4: 20x20 cm). Kết quả cho thấy giống hoa cúc Pha lê khi kết hợp giữa khoảng cách trồng 10x10 cm và bấm ngọn, để lại 5 cành cấp 1 cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao nhất.

Từ khóa: Hoa cúc Pha lê, khoảng cách trồng, bấm ngọn tỉa cành

SÁN DÂY *Spirometra mansoni* KÝ SINH TRÊN CHÓ Ở MỘT SỐ TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

Spirometra mansoni IN DOGS IN SOME SOUTHEAST PROVINCES

Lê Hữu Khương (*), Trương Quang Nghĩa (**)

(*) Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh

(**) Chi cục Thú Y tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Email: khuong.lehuu@hcmuaf.edu.vn

TÓM TẮT

600 chó ở 4 tỉnh miền Đông Nam Bộ (Bà Rịa-Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương và Tây Ninh) được mổ khám để tìm sán dây *Spirometra mansoni*. 300 ếch và 60 rắn có nguồn gốc ngoài tự nhiên được mổ khám để tìm ấu trùng plerocercoid. 5 chó được gây nhiễm thực nghiệm bằng cách cho ăn plerocercoid và 30 chó nhiễm *Spirometra mansoni* được tẩy xổ bằng praziquantel qua đường miệng.

Kết quả cho thấy có 13% chó nhiễm *Spirometra mansoni*. 55,41% ếch ở Bà Rịa Vũng Tàu và 53,33% ếch ở Đồng Nai nhiễm plerocercoid. Ếch nhiễm ấu trùng quanh năm, dao động từ 35% đến 80%. Số lượng ấu trùng dao động từ 1 đến 5 plerocercoid trên một ếch. Vị trí plerocercoid ký sinh trên ếch là cơ vân, phổ biến nhất là ở đuôi sau (100%) rồi đến cơ lưng và cơ bụng.

Rắn nước (*Xenochrophis piscato*) và rắn ráo (*Ptyas korros*) thường nhiễm plerocercoid với tỉ lệ 92,85% và 100%. Cường độ nhiễm 22,7 và 14,5 ấu trùng/rắn. Thời gian ấu trùng plerocercoid phát triển thành sán trưởng thành và đẻ trứng trong ruột chó vào khoảng 13 đến 16 ngày. Praziquantel cho uống với liều 15 mg/kg thể trọng của chó đạt hiệu quả 90% tẩy sạch *Spirometra mansoni*, liều 20 mg/kg thể trọng đạt hiệu quả 100%.

Từ khóa: sán dây, chó, rắn, ếch, miền Đông Nam Bộ

ƯỚC LƯỢNG THÔNG SỐ DI TRUYỀN VÀ GIÁ TRỊ GIỐNG CỦA TÍNH TRẠNG SỐ SƠ SINH SỐNG/Ổ VÀ TRỌNG LƯỢNG 21 NGÀY TUỔI/Ổ Ở HEO THEO PHƯƠNG PHÁP GIBBS SAMPLING VÀ DFREML-BLUP

*ESTIMATION OF GENETIC PARAMETERS AND BREEDING VALUES FOR NUMBER
BORN ALIVE AND LITTER WEIGHT AT 21 DAYS OF AGE OF PIG BY GIBBS SAMPLING
AND DFREML-BLUP*

Cao Phước Uyên Trân, Trịnh Công Thành

Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh

Email: tran.caophuocuyen@hcmuaf.edu.vn

TÓM TẮT

Phương pháp Gibbs Sampling (GS) và DFREML (Derivative free Restricted Maximum Likelihood) cho kết quả khác nhau khi ước lượng thành phần phương sai và thông số di truyền của tính trạng số con sơ sinh sống/ổ (SCS) và tính trạng trọng lượng 21 ngày tuổi/ổ (TL21). Mức độ phù hợp trong việc xếp hạng các heo giống dựa trên giá trị giống ước tính (EBV-Expected

breeding value) của 2 phương pháp GS và BLUP (Best Linear Unbiased Prediction) là không cao và thấp hơn ở tính trạng số con sơ sinh sống/ổ so với tính trạng trọng lượng 21 ngày tuổi/ổ

Từ khóa: Thông số di truyền, giá trị giống ước tính (EBV), Gibbs Sampling, Derivative free Restricted Maximum Likelihood (DFREML), Best Linear Unbiased Prediction (BLUP)

**KHẢO SÁT ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI THỨC ĂN
KHÁC NHAU ĐẾN TỈ LỆ SỐNG VÀ TĂNG TRƯỞNG CỦA
CÁ BÓNG TƯỢNG GIAI ĐOẠN 3 – 45 NGÀY TUỔI**

**INVESTIGATING THE EFFECTS OF DIFFERENT FEED AND PROBIOTICS ON
THE SURVIVAL AND GROWTH OF GOBY (OXYELEOTRIS MARMORATA BLEEKER 1852)
3-45 DAYS OLD**

Nguyễn Phú Hòa^(*), Võ Phương Tùng^(**), Nguyễn Văn Bảo^(*), Nguyễn Văn Tư^(*)

^(*)Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh

^(**)Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tp. Hồ Chí Minh

Email: phuhoa@hcmuaf.edu.vn

TÓM TẮT

“Khảo sát ảnh hưởng của các loại thức ăn khác nhau đến tỉ lệ sống và tăng trưởng của cá bóng tượng (*Oxyeleotris marmorata* Bleeker 1852) giai đoạn 3 – 45 ngày tuổi” được thực hiện nhằm đánh giá các giải pháp kỹ thuật trong ương nuôi cá bóng tượng để nâng cao tỉ lệ sống và tăng trưởng trong giai đoạn từ 3 đến 45 ngày tuổi. Kết quả cho thấy việc bổ sung probiotic cùng với sử dụng luân trùng được làm giàu đã thúc nhanh sinh trưởng của cá bột cá bóng tượng giai đoạn 3 – 15 ngày tuổi. Ở giai đoạn 15 – 30 ngày tuổi, việc sử dụng *Artemia* được làm giàu ở đầu thí nghiệm (15 dph) kết hợp với việc bổ sung *Moina* vào ngày 25 dph (NT5) đã gia tăng có ý nghĩa tỉ lệ sống của cá bóng tượng. Thức ăn *Moina* kết hợp trùn chỉ cho kết quả sinh trưởng tốt nhất cho cá bóng tượng ở giai đoạn 30 – 45 ngày tuổi.

Từ khóa: cá bóng tượng, thức ăn, probiotic, tỷ lệ sống, tăng trưởng

**ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG SINH KHỐI VÀ ƯỚC TÍNH
LƯỢNG KHÍ PHÁT THẢI TỪ PHỤ PHẨM NÔNG NGHIỆP
Ở TIỀN GIANG**

**ASSESSMENT OF BIOMASS POTENTIAL AND ESTIMATING GAS EMISSIONS FROM THE
AGRICULTURAL RESIDUES IN TIEN GIANG PROVINCE**

Nguyễn Tri Quang Hưng, Lê Kiến Thông, Nguyễn Minh Kỳ

Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh

Email: quanghungmt@hcmuaf.edu.vn

TÓM TẮT

Mục đích nghiên cứu trình bày kết quả đánh giá tiềm năng sinh khối và ước tính lượng khí phát thải từ phụ phẩm nông nghiệp ở Tiền Giang, trường hợp nghiên cứu điển hình ở huyện Gò Công Tây. Kết quả nghiên cứu cho thấy tổng sản lượng lúa trên địa bàn huyện là 185.072 tấn/năm và phát sinh tương ứng lượng khối lượng rơm rạ 233.190,72 tấn/năm. Lượng sinh khối rơm rạ có thành phần hữu cơ và nhiệt lượng cao, lần lượt chiếm tỷ lệ 44,1% và 4.030 kcal/kg. Tỷ lệ đốt rơm rạ ngoài đồng ruộng là 82,89% và lượng khí phát thải tương đương 154.025,51 tấn/năm. Trong đó, hàm lượng khí CO₂ phát thải lớn nhất: 137.961,37 tấn/năm (chiếm 89,57% tổng lượng khí phát thải), tiếp đến là khí CO với lượng phát thải: 10.900,93 tấn/năm, chiếm 7,08% tổng

lượng khí phát thải. Với hàm lượng các chất khí ô nhiễm do quá trình đốt bỏ phụ phẩm nông nghiệp là nguyên nhân góp phần gia tăng các khí nhà kính gây hiệu ứng nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu. Do đó, cần có giải pháp định hướng thu gom, xử lý và hướng đến nền nông nghiệp bền vững.

Từ khóa: Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, rom ra, tiềm năng sinh khối, nông nghiệp bền vững

**NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ
MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THÍCH HỢP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TITAN-ZIRCON
VÙNG MỎ THIÊN ÁI, TỈNH BÌNH THUẬN**

*STUDYING THE ENVIRONMENTAL MANAGEMENT STATUS AND PROPOSAL AN
APPROPRIATE SOLUTIONS FOR TITAN-ZIRCON EXPLOITATION IN THIEN AI,
BINH THUAN PROVINCE*

*Nguyễn Tri Quang Hưng (**), Nguyễn Quang Minh (*),
Nguyễn Minh Kỳ (**)*

() Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh*

*(**) Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh*

Email: quanghungmt@hcmuaf.edu.vn

TÓM TẮT

Hoạt động khai thác khoáng sản có vai trò quan trọng về mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Thời gian gần đây, công nghiệp khai khoáng đang phải đối mặt với những thách thức môi trường nghiêm trọng. Bài báo trình bày kết quả hiện trạng công tác quản lý môi trường và phân tích đề xuất giải pháp thích hợp cho các hoạt động khai thác sa khoáng Titan-Zircon vùng mỏ Thiên Ái, tỉnh Bình Thuận. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cơ quan chức năng nhà nước ở Bình Thuận đã thực hiện chức năng trong việc quản lý bảo vệ tài nguyên thiên nhiên nói chung và tài nguyên khoáng sản nói riêng. Đối với các doanh nghiệp có các hoạt động khai khoáng cũng tuân thủ quy định pháp luật, tuy nhiên vẫn còn nhiều sự chậm trễ. Để thúc đẩy hoạt động phát triển bền vững, cần thực hiện giải pháp công nghệ và chiến lược quản lý nhằm giảm thiểu các tác động môi trường. Ngoài ra, chính quyền địa phương cần phải thường xuyên kiểm tra hoạt động vận hành và giám sát công tác thực hiện đánh giá tác động môi trường.

Từ khóa: Bình Thuận, khoáng sản, quản lý môi trường, phát triển bền vững, Titan-Zircon

**TÀI NGUYÊN ĐẤT VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN
CÂY CAO SU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*LAND RESOURCES AND THE ABILITY TO DEVELOP RUBBER TREES IN
CHAU DUC DISTRICT, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE*

Nguyễn Thị Hoàng Yến^(), Nguyễn Du^(*), Trần Văn Tín^(**)*

^() Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh*

*^(**) Trường TH Công Nghệ Lương Thực Thực Phẩm*

Email: nguyenhoangyen@hcmuaf.edu.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm xác định ưu và nhược điểm về số lượng, chất lượng tài nguyên đất (TND) làm cơ sở cho việc sử dụng đất hợp lý nói chung và phát triển cây cao su nói riêng trên địa bàn huyện Châu Đức tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (BRVT).

Qua kết quả đánh giá TND huyện Châu Đức cho thấy cây cao su có khả năng thích nghi cao đối với TND trên địa bàn huyện, với mức thích nghi S1 và S2 là 22.816 ha (chiếm 53,73% DTTN). Căn cứ vào các cơ sở khoa học và thực tiễn tại địa phương, tác giả đề xuất diện tích đất trồng cây cao su là 10.377 ha, tăng 167 ha so với hiện trạng bao gồm chuyển đổi 691 ha diện tích đất đang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế không cao sang trồng cao su; giảm 524 ha diện tích đất trồng cây cao su hiện trạng do trồng trên loại đất không thích nghi với cây cao su và bị quy hoạch vào đất phát triển hạ tầng.

Từ khóa: tài nguyên đất, thích nghi đất đai, cao su

**ĐA DẠNG LOÀI CÂY GỖ TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI
CẤU TRÚC RỪNG TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN
NÚI ÔNG, TỈNH BÌNH THUẬN**

*TREES SPECIES DIVERSITY IN THE RELATIONSHIP WITH THE FOREST STRUCTURE
AT NUI ONG NATURAL RESERVE, BINH THUAN PROVINCE*

Nguyễn Minh Cảnh, Bùi Việt Hải

Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh

Email: nmcanh@hcmuaf.edu.vn

TÓM TẮT

Bài báo này giới thiệu kết quả nghiên cứu về đa dạng loài cây gỗ đối với những quần xã thực vật rừng thuộc rừng kín thường xanh ẩm nhiệt đới ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Núi Ông, tỉnh Bình Thuận. Trong nghiên cứu này, đa dạng loài cây gỗ của những quần xã thực vật rừng đã được phân tích từ 36 ô tiêu chuẩn điển hình với kích thước 2.000 m². Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, chỉ số IVI% đối với nhóm loài cây gỗ ưu thế và đồng ưu thế không có sự khác biệt rõ rệt giữa hai trạng thái rừng IIIA₂ và IIIA₃. Số loài cây gỗ tập trung nhiều nhất ở nhóm D_{1,3} < 20 cm và ở lớp H = 10 - 15 m. Mật độ cây gỗ tập trung nhiều nhất ở nhóm D_{1,3} < 20 cm và ở lớp H = 10 - 15 m. Tiết diện ngang và trữ lượng gỗ tập trung chủ yếu ở nhóm D_{1,3} = 20 - 40 cm và ở lớp H = 15 - 20 m. Các thành phần đa dạng loài cây gỗ (S, N, d, J', H') có sự khác biệt rõ rệt giữa các nhóm đường kính, giữa các trạng thái rừng và địa hình. Khu vực nghiên cứu bắt gặp 14 loài cây gỗ thuộc danh lục các loài thực vật quý, hiếm và đặc hữu ở Việt Nam.

Từ khóa: Chỉ số giá trị quan trọng; Đa dạng loài cây gỗ; trạng thái rừng; cấu trúc rừng; quần xã thực vật rừng.

**PHÂN LẬP, TUYỂN CHỌN CHỦNG VI KHUẨN LACTIC,
ỨNG DỤNG TRONG SẢN XUẤT XÚC XÍCH LÊN MEN
TẠI VIỆT NAM**

**ISOLATION AND SELECTION OF LACTIC ACID BACTERIA AND APPLICATION
IN FERMENTED SAUSAGE PRODUCTION IN VIETNAM**

Vũ Thị Lâm An, Trần Minh Khoa
Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh
Email: vtlan@hcmuaf.edu.vn

TÓM TẮT

Đề tài được tiến hành nhằm phân lập và tuyển chọn chủng vi khuẩn lactic phù hợp với quy trình sản xuất xúc xích lên men tại Việt Nam. Quá trình phân lập và định danh sơ bộ vi khuẩn lactic được tiến hành dựa vào việc nuôi cấy trên môi trường thạch MRS (de Man, Rogosa and Sharpe), dựa vào đặc điểm hình thái của khuẩn lạc và của tế bào vi khuẩn cùng với kiểm tra một số đặc tính sinh hóa. Các chủng vi khuẩn lactic có khả năng sinh trưởng trong điều kiện nhiệt độ 25-37°C, pH 4,5-5,2, và nồng độ NaCl 2.970-4.950 ppm đã được chọn để định danh bằng kỹ thuật PCR và giải trình tự DNA gen 16S rRNA. Kết quả định danh cho thấy bốn chủng được chọn là *Lactobacillus sakei* (là chủng phổ biến nhất), *Lactobacillus brevis*, *Lactobacillus plantarum* và *Pediococcus lolii*. Xúc xích lên men được bổ sung chủng *Lactobacillus plantarum* được đánh giá về cảm quan tốt nhất so với ba chủng còn lại và so với một sản phẩm xúc xích lên men trên thị trường cũng như một sản phẩm xúc xích lên men được bổ sung chủng khởi động thương mại.

Từ khóa: xúc xích lên men, vi khuẩn lactic, phân lập và định danh, giống khởi động

**XÁC ĐỊNH CÁC CẤU TỬ VÀ HOẠT TÍNH SINH HỌC
CỦA TINH DẦU HOA HUỆ SA PA (*Polianthes tuberosa* L.)
DETERMINATION CONSTITUENTS AND BIOLOGICAL ACTIVITY
OF THE ESSENTIAL OIL OF SA PA *Polianthes tuberosa* L.**

Nguyễn Văn Lợi
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Email: loichebien@yahoo.com

TÓM TẮT

Tinh dầu hoa huệ Sa Pa được khai thác bằng phương pháp chưng cất lôi cuốn hơi nước và được làm khan bằng Na_2SO_4 . Bằng phương pháp GC-MS đã xác định được 41 cấu tử trong tinh dầu hoa huệ Sa Pa, trong đó có 19 cấu tử hydrocacbon (nhóm monotecpen: 35,19%, nhóm sesquitecpen: 8,91%) và 22 cấu tử là dẫn xuất của hydrocacbon (nhóm andehit: 19,07%, nhóm ancol: 16,15%, nhóm este: 13,89% và nhóm oxi: 4,64%). Đã xác định được tỷ trọng của tinh dầu ở 20°C: 0,89; chỉ số axit (mg KOH/g): 0,63 và chỉ số este (mg KOH/g): 0,74. Sử dụng phương pháp DPPH đã xác định được khả năng kháng gốc tự do của tinh dầu hoa huệ Sa Pa là $38,47 \pm 0,23\%$, đồng thời bằng phương pháp khuếch tán đĩa thạch đã xác định được khả năng kháng khuẩn của tinh dầu này trên các chủng vi khuẩn thí nghiệm *Staphylococcus aureus*, *Escherichia coli*, *Salmonella typhi* và *Bacillus cereus*.

Từ khóa: Cấu tử, chỉ số hóa lý, hoạt tính sinh học, tinh dầu hoa huệ

**CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH THAM GIA
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN CỦA NGƯỜI DÂN
Ở VÙNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*FACTORS AFFECTING PEOPLE'S INTENTION TO PARTICIPATE VOLUNTARY SOCIAL
SECURITY IN LAM DONG PROVINCE*

Trần Văn Sơn^(), Thái Anh Hòa^(**)*

()Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng*

*(**)Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh*

Email: tranvansondalat@gmail.com

TÓM TẮT

Một trụ cột quan trọng của hệ thống an sinh xã hội (ASXH) là bảo hiểm xã hội (BHXH), trong đó có BHXH tự nguyện. Tuy nhiên, số người tham gia BHXH tại nước ta là tương đối thấp và BHXH tự nguyện (BHXH TN) lại càng thấp. Nghiên cứu này nhằm mục đích khám phá và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia BHXH TN của người dân tại tỉnh Lâm Đồng. Các phương pháp nghiên cứu định lượng đã được thực hiện qua các bước: phân tích độ tin cậy, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích nhân tố khẳng định (CFA), mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM), kiểm định bootstrap. Nguồn số liệu là từ kết quả điều tra 326 người dân ở tỉnh Lâm Đồng với 38 biến quan sát.

Bảy nhân tố đã được đề xuất để đánh giá tác động đến ý định tham BHXH TN của người dân tại địa bàn nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy có bốn yếu tố ảnh hưởng, xếp theo thứ tự ảnh hưởng từ cao đến thấp, gồm: Kiểm soát hành vi, Kiến thức về BHXH tự nguyện, Truyền thông và Ảnh hưởng xã hội.

Gợi ý chính sách từ kết quả nghiên cứu là thay đổi phương thức tuyên truyền bằng cách tiếp cận trực tiếp người dân để thuyết phục hoặc tác động thông qua người thân trong gia đình.

Từ khóa: Bảo hiểm xã hội tự nguyện, phân tích nhân tố khám phá, phân tích nhân tố khẳng định, mô hình cấu trúc tuyến tính.